

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HC-ST

Ngày 18-4-2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong việc công bố tiền bồi
thường tài sản trên đất để giải
phóng mặt bằng công trình xây
dựng Đại học Q Thành phố Hồ
Chí Minh và quyết định giải quyết
khiếu nại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp;

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 33/2021/TLST-HC ngày 30/6/2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HC ngày 11/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HC ngày 28/02/2022, Thông báo dời lịch xét xử vụ án hành chính số 03/2022/TB-TA ngày 18/3/2022 và Thông báo dời lịch xét xử vụ án hành chính số 04/2022/TB-TA ngày 22/3/2022, giữa:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị Kim S, sinh năm 1965; địa chỉ: Số X, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B đường số T, khu phố Y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 22/5/2021); có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Đường số R, Trung tâm Hành chính thành phố D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo Quyết định ủy quyền số 2983/QĐ-UBND và Quyết định ủy quyền số 2984/QĐ-UBND ngày 09/7/2021); có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thị Kim S (gọi tắt là bà S) và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:* Hủy các Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S thuộc công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương”; Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S thuộc công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương”; Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D “về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim S” vì cho rằng:

Bà Nguyễn Thị V là chủ sử dụng các thửa đất số 35, 36 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu B, xã Đ, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé (nay là khu phố Tân Lập, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương). Ngày 14/11/2001, bà V với bà Lê Thị Kim S lập “Tờ thỏa thuận giao tiền chuyển quyền sử dụng đất” với nội dung: Bên A (bà Nguyễn Thị V) chuyển nhượng cho bên B (bà Lê Thị Kim S) mảnh đất có diện tích $11,5m \times 44,5m = 512m^2$, trong đó có $140m^2$ đất thổ cư, nằm trong khuôn viên diện tích $952m^2$ đất bên A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495 QSDĐ/CQĐH ngày 25/5/1998 với giá tiền 190.000.000 đồng, có tứ cận: Đông giáp đường Vina cà phê; Tây giáp đường nhựa Đại học K; Bắc giáp nhà Nguyễn Quang L; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị N. Bên B giao đủ tiền cho bên A vào ngày 13/6/2001, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực số 97/CT-UB ngày 26/11/2001 (bút lục 10-11). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà S cùng các thành viên trong gia đình đã quản lý, sử dụng từ năm 2001 cho đến nay. Thực hiện Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh”, Quyết định số 4653/QĐ-CT ngày 13/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại xã Đ, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; giao cho Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch chi tiết”, Quyết định số 6329/QĐ-CT ngày 12/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường đối với công trình Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Bình Dương”, Quyết định số 9020/QĐ-CT ngày 08/12/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc điều chỉnh đơn giá bồi thường và chính sách tái định cư đối với công trình Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Bình Dương”. Ngày 30/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 “về việc công bố

tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S thuộc công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương” với số tiền 201.791.920 đồng, bao gồm: Công trình vật kiến trúc: 200.641.920 đồng, cây cối hoa màu: 150.000 đồng và chính sách hỗ trợ: 1.000.000 đồng; không đề cập đến nội dung bồi thường về đất.

Ngày 15/12/2009, bà S làm đơn khiếu nại Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 đề nghị đo đạc, kiểm kê tài sản và đền bù phần đất bà S đang quản lý.

Ngày 21/7/2010, Hội đồng bồi thường tiến hành áp giá tài sản bổ sung cho bà S với số tiền 105.894.705 đồng tại Biên bản áp giá bổ sung số 01BS/KNKK-ĐB. Ngày 13/5/2011, Hội đồng bồi thường tiến hành áp giá tài sản bổ sung cho bà S theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc phê duyệt phương án giải quyết tồn đọng trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” với số tiền bồi thường bổ sung thêm là 345.929.100 đồng. Ngày 03/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S thuộc công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trên địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương” cho hộ bà S với tổng số tiền 451.823.802 đồng, trong đó: Công trình vật kiến trúc: 445.623.805 đồng, cây cối hoa màu: 200.000 đồng và chính sách hỗ trợ: 6.000.000 đồng; không đề cập đến nội dung bồi thường về đất.

Tuy nhiên, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào bàn giao cho bà S bản chính Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D.

Ngày 27/5/2020, bà S làm đơn khiếu nại đề nghị Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng giải quyết: Bồi thường diện tích đất 512m² và cấp tái định cư cho bà S theo quy định; cấp thêm 01 suất tái định cư theo quy định hộ đông người và được mua thêm 01 suất tái định cư do gia đình bà S có 12 nhân khẩu. Ngày 03/8/2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 1754/UBND-KT trả lời không có cơ sở giải quyết các đề nghị của bà Lê Thị Kim S nên bà S tiếp tục làm đơn khiếu nại. Ngày 18/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số 6640/QĐ-UBND “về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim S” và cho rằng: Theo Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D thì bà S được bồi thường tài sản gắn liền với đất: 646.265.725 đồng, cây cối hoa màu: 350.000 đồng và chính sách hỗ trợ: 7.000.000 đồng; tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 653.615.725 đồng và bà S đã nhận hết tiền vào ngày 13/01/2012 và ngày 18/01/2012 nên bác đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim S.

Nhận thấy, Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D và Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D không chấp nhận việc bồi thường về đất, cấp tái định cư, cấp quyền mua thêm suất tái định cư cho các thành viên trong gia đình bà S là

không đúng quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S nên bà S khởi kiện bởi các lý do:

- Về quyền được bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất: Thời điểm bà S nhận chuyển nhượng đất thì bà Nguyễn Thị V đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495 QSDĐ/CQĐH ngày 25/5/1998 và việc thỏa thuận chuyển nhượng đất được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực số 97/CT-UB ngày 26/11/2001 là hợp pháp nên theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1, 3 và 6 Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993 thì gia đình bà S đủ điều kiện để được bồi thường về đất và bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Mặt khác, đất của bà Đặng Thị A, bà Nguyễn Thị N cùng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Nguyễn Thị V giống như bà S, nhưng được cơ quan Nhà nước bồi thường đất và tái định cư theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 30/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện D, Quyết định số 5707/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã D về việc giao đất cho bà Đặng Thị A (bút lục 26, 115) và Biên bản bàn giao đất ngoài thực địa ngày 28/6/2019 cho bà Nguyễn Thị N (bút lục 135).

- Về giá đất làm căn cứ bồi thường: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ là giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường.

- Về quyền được bố trí tái định cư bằng đất ở: Trong phần đất 512m² gia đình bà S quản lý, sử dụng có 140m² đất thổ cư và 372m² đất nông nghiệp nên theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003 thì gia đình bà S phải được bố trí nền tái định cư theo quy định tại Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc phê duyệt phương án giải quyết tồn đọng trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” và Văn bản số 3442/UBND-KTN ngày 16/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Về vấn đề chuyển đổi việc làm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì “Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai”. Từ khi nhận chuyển nhượng phần đất trên cho đến nay, bà S và gia đình ngoài ở trên đất còn kinh doanh nhà trọ và dịch vụ Karaoke. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có cơ quan có thẩm quyền nào hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà S cùng các thành viên trong gia đình bà S.

** Tại Bản trình bày ý kiến ngày 15/11/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D trình bày:*

Đối với khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D:

Sau khi xem xét đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim S, căn cứ quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 cùng những văn bản pháp lý có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố D ban hành Thông báo số 631/TB-UBND ngày 01/9/2020 thụ lý đơn khiếu nại của bà S. Sau khi xác minh, làm rõ nội dung khiếu nại của bà S, Chủ

tịch UBND thành phố D ban hành Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 với nội dung: Bác đơn khiếu nại của bà S đối với yêu cầu bồi thường về đất theo bảng giá đất của Nhà nước quy định năm 2020; cấp 02 suất tái định cư do bị thu hồi đất thổ cư theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; hỗ trợ bằng tiền 60% suất đất tái định cư 150m² với đơn giá hỗ trợ 3.000.000 đồng/m² thuộc dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh với các căn cứ như sau:

Bà S đang sử dụng phần đất diện tích 512m², trong đó: 140m² đất thổ cư và 372m² đất nông nghiệp thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495 QSDĐ/CQĐH cấp ngày 25/5/1998 cho bà Nguyễn Thị V có diện tích 952m². Thực hiện dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh, toàn bộ diện tích đất bị giải tỏa phục vụ dự án.

Đối với yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố D xem xét bồi thường về đất, cấp suất tái định cư do bị thu hồi đất thổ cư theo phương án bồi thường và hộ có đông nhân khẩu theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; hỗ trợ bằng tiền 60% suất đất tái định cư 150m² với đơn giá hỗ trợ 3.000.000 đồng/m²: Tại khoản 1, phần II, Mục A Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” quy định đối với tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường về đất trong những khoản quy định sau: “có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai...”. Trường hợp của bà S sử dụng diện tích đất 512m², trong đó: 140m² đất thổ cư và 372m² đất nông nghiệp thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495 QSDĐ/CQĐH cấp ngày 25/5/1998 cho bà Nguyễn Thị V, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ có “Tờ thỏa thuận giao tiền chuyển quyền sử dụng đất”, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực số 97/CT-UB ngày 26/11/2001 nên không đủ điều kiện bồi thường về đất. Do bà S không thuộc đối tượng được bồi thường về đất nên không có cơ sở giải quyết chính sách tái định cư của dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh cho bà S nên việc Chủ tịch UBND thành phố D ban hành Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà S là đúng quy định pháp luật.

Đối với khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S”, Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã D “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S” và Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Nguyễn Thị V đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495 QSDĐ/CQĐH ngày 25/5/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận An (nay là thành phố D) cấp. Ngày 14/11/2001, bà V chuyển nhượng lại cho bà S một phần diện tích 512m² (theo “Tờ thỏa thuận giao tiền chuyển quyền sử dụng đất”, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực số 97/CT-UB ngày 26/11/2001). Do bà S không đồng ý cho kiểm kê nên ngày 20/5/2009, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm kê bắt buộc phần tài sản trên đất theo Biên

bản kiểm kê số 105BSTL/KKBB (theo Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 13/5/2009 của Chủ tịch UBND huyện D) để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 06/7/2009, Hội đồng bồi thường tiến hành áp giá bồi thường tài sản trên đất theo Biên bản áp giá số 105BS/TL với số tiền bồi thường, hỗ trợ 201.791.920 đồng và công bố giá trị bồi thường tại Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của UBND huyện D, theo đó: Tài sản gắn liền với đất: 200.641.920 đồng, cây cối hoa màu: 150.000 đồng và chính sách hỗ trợ: 1.000.000 đồng.

Ngày 21/7/2010, Hội đồng bồi thường tiến hành áp giá tài sản bổ sung cho bà S với số tiền 105.894.705 đồng tại Biên bản áp giá bổ sung số 01BS/KNKK-ĐB theo Công văn số 1410/UBND-GPMB ngày 30/6/2010 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, thực hiện theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc phê duyệt phương án giải quyết tồn đọng trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh”, Hội đồng bồi thường áp giá bổ sung về tài sản trên đất cho bà S với số tiền 345.929.100 đồng (theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã D “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S”).

Như vậy, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với phần tài sản trên đất nêu trên là 653.615.725 đồng. Bà S đã nhận hết toàn bộ số tiền vào ngày 13/01/2012 và ngày 18/01/2012. Căn cứ Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thì việc UBND thành phố D ban hành Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S” là đúng quy định.

Đối với việc trả lời của Hội đồng bồi thường tại Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Lê Thị Kim S: Năm 2010, bà S có đơn gửi Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét bồi thường về đất và cấp đất tái định cư. Qua xem xét hồ sơ và căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng bồi thường có Văn bản số 3154/UBND-GPMB ngày 13/12/2010 trả lời bà S với nội dung: Trường hợp của bà S không đủ điều kiện bồi thường về đất và không được xét cấp đất tái định cư.

Ngày 27/5/2020, bà S tiếp tục có đơn kiến nghị Hội đồng bồi thường giải quyết: Bồi thường về đất và cấp đất tái định cư theo quy định; cấp thêm 01 suất tái định cư theo quy định hộ đông người và được mua thêm 01 suất tái định cư do gia đình có 12 nhân khẩu. Ngày 03/8/2020, Hội đồng bồi thường có Văn bản số 1754/UBND-KT trả lời đơn kiến nghị của bà Lê Thị Kim S không có cơ sở xem xét. Như vậy, qua các lần kiến nghị, Hội đồng bồi thường đã rà soát hồ sơ và có văn bản trả lời cho bà S. Nội dung trả lời phù hợp với Luật Đất đai, Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 và Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Từ những cơ sở nêu trên, việc bà S yêu cầu hủy Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện D “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S”, Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Ủy ban nhân dân thị xã D “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S” và Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở.

Đối với nội dung Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu UBND thành phố D trả lời: Phần đất 512m² bà S quản lý, sử dụng bị thu hồi, đã giải quyết bồi thường cho cá nhân, tổ chức nào hay chưa? Có bồi thường cho bà Nguyễn Thị V hay không? Vấn đề này, UBND thành phố D có ý kiến như sau:

Bà Nguyễn Thị V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495/QSDĐ/CQĐH ngày 25/5/1998 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận An cấp với tổng diện tích 952m² (trong đó điều chỉnh lên thổ cư 300m², 652m² đất nông nghiệp). Năm 2001, bà V chuyển nhượng cho 03 hộ như sau:

Hộ bà Nguyễn Thị N: 220m² (100m² thổ cư, 120m² đất nông nghiệp) bằng giấy tay có UBND xã Đ xác nhận ngày 26/11/2001. Bà N được bồi thường theo đúng phần diện tích trên và được cấp 01 suất tái định cư 100m².

Hộ bà Đặng Thị A: 220m² (60m² thổ cư, 160m² đất nông nghiệp) bằng giấy tay có UBND xã Đ xác nhận ngày 26/11/2001. Bà A được bồi thường 150m² (60m² thổ cư, 90m² đất nông nghiệp), được cấp 01 suất tái định cư định suất 100m², phải nộp tiền 40m² với giá 400.000 đồng/m². Phần diện tích còn lại 70m² đất nông nghiệp, bà A chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Châm (ông Châm không được bồi thường về đất).

Hộ bà Lê Thị Kim S 512m² bằng giấy tay, được UBND xã Đ xác nhận ngày 26/11/2001 (bà S không được bồi thường về đất). Như vậy, phần diện tích đất 512m² mà bà S đang quản lý là chưa quyết định bồi thường cho cá nhân, tổ chức nào. Hiện bà V cũng chưa được bồi thường đối với diện tích đất này (bút lục 100-104).

* Ngày 06/12/2021, Tòa án tiến hành lập Biên bản làm việc với ông Nguyễn Đức Huy là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện để yêu cầu cung cấp thông tin, địa chỉ của bà Nguyễn Thị V. Tuy nhiên, ông H xác định bà V đã chết, sau khi bà V chuyển nhượng hết đất cho bà S, bà N và bà A thì gia đình bà V chuyển đi nơi khác sinh sống từ năm 2001 cho đến nay nên người khởi kiện không cung cấp được thông tin cho Tòa án (bút lục 46).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông Nguyễn Đức Huy vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về việc giải quyết vụ án: Quyết định số 4653/QĐ-CT ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Bình Dương “về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại xã Đ và xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương; giao cho Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch chi tiết” là quyết định tổng thể. Theo quy định tại Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân thành phố D có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ bà S. Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S”, nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ bà S là vi phạm trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 55, 56, 57 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ nên việc bà S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố D là có cơ sở. Việc bà S khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D, nhận thấy: Đất bà S có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị V, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực nên theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; Điều 42, 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ thì bà S sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 nên thuộc trường hợp được bồi thường về đất. Thực tế thì đất của hộ bà A, bà N cũng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà V, nhưng được bồi thường về đất và cấp tái định cư nên việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 trả lời không chấp nhận kiến nghị của bà S là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D bác đơn khiếu nại của bà S đối với Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng nên việc bà S khởi kiện yêu cầu hủy là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim S. Về kiến nghị khắc phục thiếu sót, vi phạm: Không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất để giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh và quyết định giải quyết khiếu nại*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện, nhận thấy: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 15/12/2009, bà S có đơn khiếu nại Quyết định số

5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” để yêu cầu đo đạc, kiểm đếm tài sản trên đất và bồi thường về đất cho bà S. Ngày 21/7/2010, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành áp giá tài sản bổ sung cho bà S theo Biên bản áp giá bổ sung số 01BS/KNKK-ĐB với số tiền 105.894.705 đồng và ban hành Văn bản số 3154/UBND-GPMB ngày 13/12/2010 trả lời trường hợp của bà Lê Thị Kim S không đủ điều kiện bồi thường về đất và không được xét cấp đất tái định cư. Đến ngày 13/5/2011, Hội đồng bồi thường tiến hành áp giá tài sản bổ sung cho bà S theo Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc phê duyệt phương án giải quyết tồn đọng trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” với số tiền bồi thường bổ sung là 345.929.100 đồng. Ngày 03/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S” với tổng số tiền 451.823.805 đồng. Ngày 13/01/2012, bà S ký nhận tiền theo biên bản áp giá, biên bản thỏa thuận và cam kết về việc nhận tiền đền bù và ghi “tôi chỉ đồng ý bàn giao mặt bằng khi đã nhận đất tái định cư và có thời gian xây dựng nhà 01 năm” (bút lục 84-88); ngày 18/01/2012, bà S ký nhận tiền theo biên bản áp giá, biên bản thỏa thuận và cam kết về việc nhận tiền đền bù và ghi “chưa nhận bản áp giá đền bù QSD đất đề nghị giải quyết khi ra quyết định thu hồi” (bút lục 77-81). Do đó, mặc dù bà S không được cơ quan có thẩm quyền bàn giao bản chính các Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012, nhưng bà S biết nội dung các quyết định trên là không bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ và tái định cư cho bà S vì được người khác chụp các quyết định trên gửi lại (bút lục 46), nhưng bà S vẫn không khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là mất quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 104 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Tuy nhiên, ngày 27/5/2020 bà S có đơn kiến nghị yêu cầu Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh xem xét bồi thường về đất, cấp đất tái định cư theo quy định; cấp thêm 01 suất tái định cư theo quy định hộ đông người và được mua thêm 01 suất tái định cư do gia đình có 12 nhân khẩu. Ngày 03/8/2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 1754/UBND-KT trả lời đơn kiến nghị của bà S không có cơ sở xem xét. Ngày 20/8/2020, bà S có đơn khiếu nại Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020. Ngày 18/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố D ban hành Quyết định số 6640/QĐ-UBND “về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Kim S”, trong đó nội dung có đề cập đến Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D nên theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 7 của Luật Khiếu nại năm 2011 và hướng dẫn tại điểm 4 và 7 mục III Văn bản số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

[3] Về thủ tục: Do người bị kiện có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà S, nhận thấy: Phần đất diện tích 512m² (có 140m² đất thổ cư) mà bà S đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị V theo “Tờ thỏa thuận giao tiền chuyển quyền sử dụng đất”, được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực số 97/CT-UB ngày 26/11/2001. Thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà V đã được Ủy ban nhân dân huyện Thuận An (nay là thành phố D) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1495 QSDĐ/CQĐH ngày 25/5/1998 đối với thửa đất số 35, 36 tờ bản đồ số 10 với tổng diện tích 952m² nên bà V được quyền chuyển nhượng đất cho bà S theo quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993. Việc bà S không được thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do thửa đất trên được đưa vào quy hoạch xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 154/2001/QĐ-TTg ngày 10/10/2001 “về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” và Quyết định số 660/2003/QĐ-TTg ngày 17/6/2003 “về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/2000 Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” của Thủ tướng Chính phủ. Theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định về “điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất” như sau: “Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai”; tại khoản 7 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định “điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất” như sau: “Người nhận chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc nhà gắn liền với quyền sử dụng đất mà đất đó của người sử dụng thuộc đối tượng có đủ một trong các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này, nhưng chưa làm thủ tục sang tên trước bạ”. Do đó, bà S có đủ điều kiện để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền đền bù thiệt hại về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 6 Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 42, khoản 3 Điều 49, khoản 2 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 7 Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và nội dung quy định tại điểm 1 khoản 1 và điểm 3.1/c, 3.2/b khoản 3 mục II Phần A của Quy định kèm theo Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Mặt khác, đất của hộ bà Đặng Thị A và bà Thị Ngọc cùng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đất từ bà Nguyễn Thị V giống trường hợp của bà S, nhưng được cơ quan Nhà nước bồi thường về đất và bố trí tái định cư tại Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 30/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện D, Quyết định số 5707/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã D “về việc giao đất cho bà Đặng Thị A” (bút lục 26, 115) và Biên bản bàn giao đất ngoài thực địa ngày 28/6/2019 cho bà Nguyễn Thị N (bút lục 135), vấn đề này được người bị kiện thừa nhận tại Bản trình bày ý kiến ngày 15/11/2021 (bút lục 100-104) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Tố tụng hành chính được xem là “những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh” nên việc Ủy ban nhân dân thành phố D không áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và bố trí tái định cư cho bà S là không phù hợp.

[5] Xét Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S”, nhận thấy: Về thẩm quyền ban hành quyết định: Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003; hướng dẫn tại khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 126, các khoản 5, 6 và 7 Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày

25/5/2007 của Chính phủ thì sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có quyết định thu hồi đất chung cho tất cả các thửa đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng và xét duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (tức Ủy ban nhân dân thành phố D) có trách nhiệm quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng” và “thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với trường hợp thu hồi đất để giao hoặc cho thuê thực hiện dự án” nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” (bút lục 12) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S” (bút lục 21) là không đúng thẩm quyền. Về nội dung: Theo như phân tích tại mục [4] và viện dẫn nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố D không ban hành quyết định thu hồi diện tích đất 512m² mà hộ bà Lê Thị Kim S đang quản lý, sử dụng và không thực hiện bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư là không đúng quy định. Do đó, bà S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D là có căn cứ.

[6] Xét Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh, nhận thấy: Theo như phân tích tại mục [4] thì việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư viện dẫn quy định tại điểm a khoản 1 phần II Mục A Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” để ban hành Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020, trả lời nội dung đơn kiến nghị ngày 27/5/2020 của bà Lê Thị Kim S về việc “đề nghị xem xét bồi thường về đất và cấp đất tái định cư; cấp thêm 01 suất tái định cư theo quy định của hộ đồng người và được mua thêm 01 suất tái định cư do gia đình có 12 nhân khẩu” không có cơ sở giải quyết là không phù hợp, vì đất của bà S thuộc trường hợp “đủ điều kiện để được bồi thường về đất” theo quy định tại điểm 1 khoản 1 phần II Mục A Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

[7] Xét Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, nhận thấy: Sau khi thụ lý Đơn khiếu nại ngày 20/8/2020 của bà S đối với Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D đã tiến hành thụ lý theo Thông báo số 631/TB-UBND ngày 01/9/2020 và phân công Thanh tra thành phố D tiến hành xác minh, làm rõ các nội dung khiếu nại của bà S là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Qua xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D xác định: Việc thiết lập hồ sơ bồi thường cho bà Lê Thị Kim S được thực hiện theo các biên bản kiểm kê, biên bản áp giá bồi thường, Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối

với bà Lê Thị Kim S” với tổng số tiền đền bù công trình vật kiến trúc, cây cối hoa màu và chính sách hỗ trợ là 653.615.725 đồng, bà S đã nhận số tiền này; không áp giá bồi thường về đất cho bà S. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D vẫn viện dẫn quy định tại điểm a khoản 1 phần II Mục A Quyết định số 1969/QĐ-CT ngày 02/6/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với công trình Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh” để xác định đất của bà S thuộc trường hợp “không đủ điều kiện bồi thường về đất” nên không thuộc đối tượng xem xét về chính sách tái định cư để bác đơn khiếu nại của bà S là không đúng quy định nên việc bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị Kim S. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 79, điểm a khoản 3 Điều 116, các Điều 130, 157, 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 42, khoản 2 Điều 44, khoản 3 Điều 49, khoản 2 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 6 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ “về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng”; khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 126, Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ “về thi hành Luật Đất đai” và Điều 53 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ “về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị Kim S đối với người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Hủy Quyết định số 5331/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) D “về việc công bố tiền bồi thường tài sản trên đất đối với hộ bà Lê Thị Kim S” và Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 03/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) D “về việc công bố tiền bồi thường bổ sung tài sản gắn liền với đất và chính sách hỗ trợ đối với bà Lê Thị Kim S”.

Hủy Văn bản số 1754/UBND-KT ngày 03/8/2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư Dự án xây dựng Đại học Q Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố D.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị Kim S đối với người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Hủy Quyết định số 6640/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố D phải chịu 300.000 đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D phải chịu 300.000 đồng.

Bà Lê Thị Kim S không phải chịu. Hoàn trả cho bà Lê Thị Kim S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054866 ngày 24/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

4. Báo cho người khởi kiện biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Tòa HC, HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Cường